

Số: 55/2019/TT-BTC

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2019

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản
loại trừ khi chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 128/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ về bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 8/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước,

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn trình tự, thủ tục bàn giao, tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp, tài sản thừa so với giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật khi thực hiện chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước hoặc theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Mua bán nợ).

2. Các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi sở hữu theo hình thức cổ phần hóa hoặc bán doanh nghiệp có nợ phải thu và tài sản loại trừ khi xác định giá trị doanh nghiệp thuộc diện bàn giao cho Công ty Mua bán nợ theo quy định, gồm:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Công ty mẹ của Tổng công ty nhà nước (kể cả ngân hàng thương mại nhà nước), công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con.

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

c) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ chưa chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc bàn giao, tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản loại trừ.

5. Các doanh nghiệp, tổ chức đang giữ hộ nợ, tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “Nợ và tài sản loại trừ” là các khoản nợ, tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu theo quy định của pháp luật, được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trong quyết định công bố giá trị doanh nghiệp và các tài sản thừa so với giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa thuộc đối tượng bàn giao về

Công ty Mua bán nợ theo quy định về chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước.

2. “Khách nợ” là các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ trả nợ.

3. “Doanh nghiệp đã chính thức chuyển đổi” là doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu để chính thức hoạt động theo mô hình mới sau khi thực hiện chuyển đổi sở hữu.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục I

BÀN GIAO, TIẾP NHẬN NỢ VÀ TÀI SẢN

Điều 4. Nguyên tắc bàn giao, tiếp nhận nợ và tài sản loại trừ

1. Các khoản nợ và tài sản bàn giao, tiếp nhận phải đảm bảo có đầy đủ hồ sơ (đối với nợ), có hiện vật (đối với tài sản). Trường hợp nợ không có đủ hồ sơ và tài sản không còn hiện vật thì Công ty Mua bán nợ có văn bản gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp thông báo lý do không tiếp nhận để doanh nghiệp tiếp tục quản lý, theo dõi hoặc xử lý theo quy định hiện hành về chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp.

2. Việc bàn giao, tiếp nhận nợ và tài sản loại trừ được thực hiện căn cứ vào quyết định công bố giá trị doanh nghiệp của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định pháp luật về chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp. Quyết định công bố giá trị doanh nghiệp phải nêu cụ thể giá trị nợ và tài sản loại trừ, làm căn cứ để Công ty Mua bán nợ thực hiện tiếp nhận.

3. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định công bố điều chỉnh giá trị doanh nghiệp:

a) Nếu doanh nghiệp chưa ký Biên bản bàn giao nợ và tài sản loại trừ với Công ty Mua bán nợ thì thực hiện bàn giao nợ và tài sản loại trừ theo quyết định công bố điều chỉnh giá trị doanh nghiệp.

b) Nếu doanh nghiệp đã ký Biên bản bàn giao nợ và tài sản loại trừ với Công ty Mua bán nợ theo quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu có văn bản đề nghị Công ty Mua bán nợ thông báo hiện trạng của các khoản nợ và tài sản loại trừ đã tiếp nhận theo Biên bản bàn giao theo tiêu chí: đã xử lý, thu hồi và chưa xử lý, thu hồi trước khi công bố quyết định điều chỉnh giá trị doanh nghiệp. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu, Công ty Mua bán nợ có văn bản trả lời cơ quan đại diện chủ sở hữu. Trường hợp các khoản nợ và

tài sản loại trừ đã được Công ty Mua bán nợ xử lý, thu hồi thì không thực hiện điều chỉnh lại tương ứng tại quyết định công bố điều chỉnh giá trị doanh nghiệp. Trường hợp các khoản nợ và tài sản loại trừ chưa hoàn thành việc xử lý, thu hồi thì thực hiện điều chỉnh Biên bản bàn giao theo quyết định công bố điều chỉnh giá trị doanh nghiệp. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Công ty Mua bán nợ có văn bản trả lời cơ quan đại diện chủ sở hữu về hiện trạng các khoản nợ và tài sản loại trừ đã tiếp nhận, các bên phải hoàn tất việc điều chỉnh Biên bản bàn giao.

4. Khi bàn giao, tiếp nhận nợ và tài sản loại trừ, cơ quan đại diện chủ sở hữu, Công ty Mua bán nợ và doanh nghiệp phải lập Biên bản bàn giao, có chữ ký xác nhận của các bên. Cơ quan đại diện chủ sở hữu có thể ủy quyền (bằng văn bản) cho Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng giám đốc/Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có nợ và tài sản loại trừ để thực hiện bàn giao cho Công ty Mua bán nợ.

5. Công ty Mua bán nợ kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của chủ nợ, chủ tài sản theo quy định kể từ ngày ký Biên bản bàn giao. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký Biên bản bàn giao, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo với khách nợ và các cơ quan liên quan về việc chuyển giao quyền chủ nợ cho Công ty Mua bán nợ.

6. Đối với các khoản nợ và tài sản loại trừ tiếp nhận theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có), Công ty Mua bán nợ, cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp thực hiện bàn giao, tiếp nhận, xử lý nợ, tài sản như đối với nợ, tài sản loại trừ khỏi giá trị doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu và phù hợp với ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, Công ty Mua bán nợ báo cáo Bộ Tài chính xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

7. Doanh nghiệp thực hiện xử lý tài chính đối với nợ và tài sản loại trừ theo quy định của pháp luật đối với từng hình thức sắp xếp, chuyển đổi sở hữu.

Điều 5. Nội dung bàn giao, tiếp nhận nợ và tài sản loại trừ

1. Nợ và tài sản loại trừ bàn giao, tiếp nhận là các khoản nợ, tài sản loại trừ theo quy định tại khoản 4 Điều 10, khoản 2 Điều 14, khoản 2 và khoản 3 Điều 15 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, trong đó:

a) Đối với nợ bàn giao: doanh nghiệp thực hiện phân loại các khoản nợ phải thu theo tiêu thức khách nợ còn tồn tại và không còn tồn tại kèm theo danh mục các khoản nợ và hồ sơ có liên quan (bao gồm cả thông tin về hiện trạng từng khách nợ).

b) Đối với tài sản bàn giao: doanh nghiệp tiến hành phân loại tài sản (kèm theo các hồ sơ liên quan, có miêu tả tình trạng tài sản) theo các tiêu thức sau:

- Tài sản có giá trị thu hồi, có thể khai thác sử dụng hoặc có thể bán được.
- Tài sản không có giá trị thu hồi, không bán được, cần phá dỡ, hủy bỏ.

2. Đối với các khoản nợ loại trừ doanh nghiệp thu hồi được trước khi thực hiện bàn giao, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp về Công ty Mua bán nợ sau khi trừ đi chi phí được hưởng theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

3. Đối với các tài sản loại trừ, trước khi thực hiện bàn giao cho Công ty Mua bán nợ, doanh nghiệp không được tự xử lý khi chưa có văn bản chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu và Công ty Mua bán nợ.

Trường hợp doanh nghiệp tự xử lý tài sản khi chưa được cơ quan đại diện chủ sở hữu và Công ty Mua bán nợ chấp thuận, cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo doanh nghiệp làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định, đồng thời thông báo cho Công ty Mua bán nợ. Doanh nghiệp có trách nhiệm nộp về Công ty Mua bán nợ toàn bộ số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản và không được trừ chi phí xử lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này. Chi phí xử lý tài sản của doanh nghiệp không được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 6. Trình tự, thủ tục bàn giao, tiếp nhận

1. Đề nghị Công ty Mua bán nợ phối hợp bàn giao, tiếp nhận:

a) Nợ và tài sản loại trừ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp:

Trong thời gian tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm bảo quản, phân loại nợ, tài sản loại trừ và tập hợp các hồ sơ có liên quan theo quy định tại Thông tư này, đồng thời có văn bản đề nghị Công ty Mua bán nợ (đồng gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu) phối hợp, tiến hành các thủ tục giao nhận.

b) Nợ và tài sản loại trừ tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần:

Trong thời gian tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt quyết toán phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, doanh nghiệp có trách nhiệm tập hợp hồ sơ các khoản nợ, tài sản loại trừ bàn giao theo quy định tại khoản 4 Điều 10, khoản 2 Điều 15 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và có văn bản đề nghị Công ty Mua bán nợ (đồng gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu) phối hợp, tiến hành các thủ tục giao nhận.

2. Công ty Mua bán nợ phối hợp với cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp để hoàn tất các thủ tục bàn giao, tiếp nhận trong thời gian tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp kèm theo danh mục và đầy đủ hồ sơ, tài liệu của các khoản nợ, tài sản loại trừ nêu tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này. Trường hợp chưa nhận đủ hồ sơ, tài liệu theo danh mục, trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, tài liệu, Công ty Mua bán nợ có văn bản đề nghị doanh nghiệp bổ sung đầy đủ hồ sơ, tài liệu. Trong thời gian tối đa 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Công ty Mua bán nợ, doanh nghiệp có trách nhiệm gửi bổ sung đầy đủ hồ sơ, tài liệu cho Công ty Mua bán nợ.

3. Căn cứ quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, quyết định điều chỉnh giá trị doanh nghiệp, quyết định phê duyệt quyết toán phân vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần và hồ sơ các khoản nợ, tài sản bàn giao, các bên lập Biên bản bàn giao theo mẫu tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Mục II

XỬ LÝ NỢ VÀ TÀI SẢN TIẾP NHẬN

Điều 7. Xử lý nợ và tài sản loại trừ đã tiếp nhận

1. Công ty Mua bán nợ thực hiện các hình thức xử lý nợ và tài sản loại trừ đã tiếp nhận theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản lý tài chính của Công ty, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch và phù hợp với các quy định hiện hành đối với từng hình thức xử lý nợ và tài sản. Đối với tài sản là quyền sử dụng đất thì việc xử lý phải đảm bảo theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Đối với tài sản (bao gồm cả tài sản đảm bảo khoản nợ) có giá trị còn lại trên sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên, Công ty Mua bán nợ thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá để tổ chức bán tài sản theo phương thức đấu giá theo quy định.

3. Đối với tài sản (bao gồm cả tài sản đảm bảo khoản nợ) có giá trị còn lại trên sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng, Công ty Mua bán nợ quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận theo nguyên tắc giá không thấp hơn giá thị trường. Trường hợp tài sản không có giao dịch trên thị trường thì Công ty Mua bán nợ tự định giá hoặc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá để làm cơ sở bán tài sản và Công ty Mua bán nợ chịu trách nhiệm về việc quyết định giá bán tài sản.

4. Đối với lô tài sản của 01 doanh nghiệp tại 01 địa chỉ:

a) Đối với lô tài sản bao gồm các tài sản có giá trị còn lại theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng, Công ty Mua bán nợ quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận theo giá không thấp hơn giá thị trường. Trường hợp có tài sản trong lô không có giao dịch trên thị trường thì Công ty Mua bán nợ tự định giá hoặc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá để làm cơ sở bán tài sản và Công ty Mua bán nợ chịu trách nhiệm về việc quyết định giá bán tài sản.

b) Đối với lô tài sản trong đó có tài sản có giá trị còn lại theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên, Công ty Mua bán nợ thuê tổ chức định giá có chức năng thẩm định giá để thẩm định giá và thực hiện như sau:

- Trường hợp tổng giá trị theo kết quả thẩm định giá của lô tài sản từ 100 triệu đồng trở lên, Công ty Mua bán nợ thực hiện bán đấu giá theo quy định.

- Trường hợp tổng giá trị theo kết quả thẩm định giá của lô tài sản dưới 100 triệu đồng, Công ty Mua bán nợ quyết định lựa chọn hình thức bán đấu giá hoặc bán thỏa thuận.

5. Giá khởi điểm để bán đấu giá hoặc bán thỏa thuận được xác định không thấp hơn giá thị trường hoặc giá tự thẩm định (trong trường hợp Công ty Mua bán nợ tự định giá) hoặc giá do tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định (trong trường hợp thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá).

Trường hợp bán theo phương thức thỏa thuận mà có từ 2 người mua (là tổ chức, cá nhân) trở lên và trả mức giá bằng nhau thì thực hiện chào bán cạnh tranh theo hình thức bỏ phiếu kín với giá khởi điểm là mức giá trả bằng nhau và người mua trả mức giá cao nhất là người được mua lô tài sản.

6. Một số trường hợp xử lý tài sản:

a) Trường hợp bán đấu giá tài sản không thành công (không có người đăng ký đấu giá hoặc chỉ có một người đăng ký đấu giá hoặc không có người trúng đấu giá hoặc tất cả người mua trúng đấu giá nhưng không nộp tiền) thì Công ty Mua bán nợ điều chỉnh giá khởi điểm theo quy định để tiếp tục bán đấu giá. Trường hợp có tổ chức, cá nhân đăng ký mua thỏa thuận bằng giá khởi điểm của cuộc đấu giá không thành công gần nhất thì Công ty Mua bán nợ quyết định bán thỏa thuận.

b) Đối với tài sản không có giá trị thu hồi, tài sản cần phải hủy bỏ, tháo dỡ, Công ty Mua bán nợ phối hợp với doanh nghiệp tổ chức hủy bỏ, tháo dỡ hoặc thuê tổ chức bên ngoài thực hiện hủy bỏ, tháo dỡ.

7. Trường hợp khách nợ thanh toán đủ nợ gốc trong vòng 12 tháng kể từ ngày khách nợ cam kết trả hết nợ gốc thì Công ty Mua bán nợ xem xét, xóa nợ lãi chậm nộp (kể cả tiền lãi chậm thi hành án trong trường hợp có quyết định của Tòa án) sau khi khách nợ trả hết nợ gốc theo cam kết.

8. Đối với khoản nợ không có khả năng thu hồi (bao gồm cả nợ xử lý trước thời điểm bàn giao) đã được Công ty Mua bán nợ theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán trên 10 năm (bao gồm cả thời gian doanh nghiệp theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán trước khi chuyển giao cho Công ty Mua bán nợ), Công ty Mua bán nợ tập hợp hồ sơ, báo cáo Bộ Tài chính có ý kiến trước khi Công ty Mua bán nợ quyết định loại trừ, không tiếp tục theo dõi trên sổ sách.

Điều 8. Xử lý tài sản mất mát, thiếu hụt trong quá trình giữ hộ

1. Đối với tài sản mất mát, thiếu hụt do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng như: thiên tai, địch họa và các nguyên nhân bất khả kháng khác, có xác nhận của cơ quan đại diện chủ sở hữu gửi Công ty Mua bán nợ (đối với doanh nghiệp chưa chính thức chuyển đổi) hoặc Ủy ban nhân dân xã (hoặc phường) tại nơi xảy ra mất mát, thiếu hụt tài sản (đối với doanh nghiệp đã chính thức chuyển đổi) thì doanh nghiệp giữ hộ tài sản không phải bồi thường. Công ty Mua bán nợ thực hiện loại trừ khỏi danh mục tài sản tiếp nhận tương ứng với số tài sản mất mát, thiếu hụt.

2. Đối với tài sản mất mát, thiếu hụt do các nguyên nhân không quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp phải làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan để xử lý bồi thường theo giá thị trường trên cơ sở giá xác định của tổ chức có chức năng thẩm định giá đối với tài sản tương tự (cùng chủng loại, cùng công suất). Trường hợp tại thời điểm xử lý bồi thường không có tài sản tương tự thì bồi thường theo giá trị còn lại trên sổ sách của tài sản. Trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tiền bồi thường, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền bồi thường cho Công ty Mua bán nợ để quản lý theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp tài sản đã hết khấu hao thì xác định giá trị bồi thường bằng 20% nguyên giá theo giá trị sổ sách của tài sản.

Trường hợp tài sản mất mát, thiếu hụt là nhà cửa vật kiến trúc tự xuống cấp, sụp đổ hoặc tài sản là vật tư, hàng hóa thuộc diện kém, mất phẩm chất do doanh nghiệp tự tháo dỡ, phá hủy, hủy bỏ để tránh ô nhiễm môi trường (có đầy đủ hồ sơ chứng minh) và doanh nghiệp có văn bản giải trình, cam kết chịu trách nhiệm về việc tự tháo dỡ, phá hủy, hủy bỏ, Công ty Mua bán nợ có văn bản đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp điều chỉnh giảm danh mục tài sản tương ứng tại Biên bản bàn giao.

Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Công ty Mua bán nợ, cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp phối hợp với Công ty Mua bán nợ ký Biên bản điều chỉnh danh mục tài sản giao nhận. Cơ quan đại diện chủ sở hữu có thể ủy quyền cho doanh nghiệp ký Biên bản điều chỉnh danh mục tài sản giao nhận.

Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp không ký Biên bản điều chỉnh thì trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày quá thời hạn trên, Công ty Mua bán nợ loại trừ không tiếp tục theo dõi những tài sản này và thông báo cho cơ quan đại diện chủ sở hữu, doanh nghiệp. Cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp chịu trách nhiệm về kết quả tự xử lý tài sản.

3. Doanh nghiệp có trách nhiệm nộp về Công ty Mua bán nợ toàn bộ số tiền thu được từ thanh lý tài sản do tháo dỡ, phá hủy (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký Biên bản điều chỉnh danh mục tài sản giao nhận. Trường hợp chậm nộp, doanh nghiệp phải chịu thêm tiền lãi chậm nộp theo quy định tại Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp không ký Biên bản điều chỉnh thì thời điểm bắt đầu tính lãi chậm nộp là sau 20 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp nhận được văn bản của Công ty Mua bán nợ đề nghị điều chỉnh danh mục tài sản.

4. Đối với các doanh nghiệp đã ngừng hoạt động hoặc giải thể, phá sản (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phá sản của Tòa án), Công ty Mua bán nợ được loại trừ không tiếp tục theo dõi trên sổ sách tương ứng với giá trị tài sản mất mát, thiếu hụt.

Mục III **QUẢN LÝ TIỀN THU** **TỪ THU HỒI, XỬ LÝ NỢ VÀ TÀI SẢN**

Điều 9. Sử dụng tiền thu từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản loại trừ

Công ty Mua bán nợ thực hiện quản lý tiền thu từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản loại trừ đã tiếp nhận theo quy định tại Điều lệ, Quy chế tài chính của Công ty và quy định sau:

1. Trích 30% số tiền từ thu hồi nợ, bán tài sản đã tiếp nhận, nhận đền bù tài sản trên đất khi thu hồi đất để lại cho Công ty Mua bán nợ sử dụng nhằm bù đắp các chi phí phát sinh có liên quan như: sửa chữa, nâng cấp tài sản (nếu có), tiếp nhận, tổ chức thu hồi, quản lý, khai thác, xử lý nợ và tài sản (bao gồm cả

chi phí hủy bỏ, tháo dỡ tài sản), chi phí định giá, đấu giá và các chi phí khác có liên quan.

2. Trích 10% số tiền thu hồi nợ, bán, xử lý tài sản tiếp nhận để chuyển trả doanh nghiệp nhằm bù đắp các chi phí quản lý; giữ hộ tài sản; thu hộ nợ; phối hợp, hỗ trợ để nhận đền bù tài sản trên đất khi thu hồi đất.

Trường hợp đưa tài sản tiếp nhận vào khai thác (góp vốn cổ phần, liên doanh, liên kết; cho thuê) thì thanh toán chi phí giữ hộ tài sản theo thực tế kể từ ngày ký Biên bản bàn giao nhưng không quá 10% giá trị thẩm định của tổ chức có chức năng thẩm định giá khi đưa tài sản vào khai thác.

3. Trường hợp thực hiện tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản loại trừ theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ mà nguồn thu không đủ để bù đắp chi phí thu hồi, xử lý nợ và tài sản, Công ty Mua bán nợ sử dụng nguồn thu từ xử lý nợ và tài sản loại trừ đã tiếp nhận từ các doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu phải nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp để bù đắp trên cơ sở phù hợp với ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

4. Số tiền còn lại nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp theo thời gian quy định tại Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp. Trường hợp số tiền phải nộp về Quỹ dưới 100 triệu đồng theo từng lần phát sinh, Công ty Mua bán nợ tập hợp và nộp về Quỹ theo tháng (nộp trước ngày 05 của tháng tiếp theo).

Điều 10. Xử lý tiền thu từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản loại trừ trước khi bàn giao cho Công ty Mua bán nợ

1. Đối với tiền thu từ thu hồi nợ và xử lý tài sản trước khi bàn giao cho Công ty Mua bán nợ, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp về Công ty Mua bán nợ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày thu được tiền. Trong đó:

a) Trường hợp chậm nộp về Công ty Mua bán nợ, doanh nghiệp phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp.

Trường hợp có quyết định của Tòa án về nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Mua bán nợ (bao gồm cả nợ gốc và tiền lãi chậm nộp) thì doanh nghiệp thực hiện theo quyết định của Tòa án và không được bù đắp chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

b) Tiền phạt chậm nộp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này không được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp; doanh nghiệp chỉ được dùng nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để bù đắp sau khi

trừ đi các khoản bồi thường của các tập thể, cá nhân có liên quan đến việc chậm nộp (nếu có).

2. Đối với tiền thu được từ thu hồi nợ và xử lý tài sản theo quyết định của Tòa án, cơ quan thi hành án, căn cứ số tiền thực tế thu hồi được, doanh nghiệp nộp về Công ty Mua bán nợ trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thu được tiền. Trường hợp chậm nộp, doanh nghiệp phải chịu thêm tiền lãi chậm nộp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp doanh nghiệp thanh toán đủ nợ gốc (gồm tiền thu hộ nợ và xử lý tài sản trước bàn giao) trong vòng 12 tháng kể từ ngày doanh nghiệp cam kết trả hết nợ gốc thì Công ty Mua bán nợ xem xét, xóa nợ lãi chậm nộp (kể cả tiền lãi chậm thi hành án trong trường hợp có quyết định của Tòa án) sau khi doanh nghiệp trả hết nợ gốc theo cam kết.

4. Đối với các doanh nghiệp đã ngừng hoạt động hoặc giải thể, phá sản, sau khi có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phá sản của Tòa án, Công ty Mua bán nợ thực hiện theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán đối với số tiền thu từ thu hồi xử lý nợ và tài sản loại trừ trước khi bàn giao cho Công ty Mua bán nợ và xử lý theo quy định tại khoản 8 Điều 7 Thông tư này. Trường hợp quyết định của Tòa án xác định doanh nghiệp phá sản không có khả năng trả nợ cho Công ty Mua bán nợ thì Công ty Mua bán nợ được loại trừ không tiếp tục theo dõi trên sổ sách đối với giá trị không thu hồi được.

5. Trường hợp doanh nghiệp thu được tiền từ thu hồi nợ, xử lý tài sản trước ngày cơ quan đại diện chủ sở hữu công bố giá trị doanh nghiệp thì doanh nghiệp có trách nhiệm nộp về Công ty Mua bán nợ trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đại diện chủ sở hữu công bố giá trị doanh nghiệp. Trường hợp chậm nộp, doanh nghiệp phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu

1. Chỉ đạo doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu và lập kế hoạch thực hiện bàn giao nợ, tài sản loại trừ.

2. Tổ chức thực hiện việc bàn giao nợ và tài sản loại trừ theo quy định tại Thông tư này cho Công ty Mua bán nợ.

3. Giám sát việc thực hiện quản lý nợ và tài sản loại trừ khi chưa bàn giao về Công ty Mua bán nợ theo quy định tại Thông tư này.

4. Chủ trì xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ không thuộc diện bàn giao cho Công ty Mua bán nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này sau khi nhận được văn bản thông báo của Công ty Mua bán nợ.

5. Chủ trì xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân gây hư hỏng, mất mát tài sản loại trừ hoặc thanh lý, nhượng bán tài sản trước khi bàn giao nhưng chưa được chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu và Công ty Mua bán nợ.

Điều 12. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan, phân loại nợ và tài sản loại trừ để thực hiện bàn giao theo quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các hồ sơ, tài liệu này.

2. Tiếp tục giữ hộ tài sản theo đề nghị của Công ty Mua bán nợ và thông báo công khai đến các cổ đông (trong trường hợp đã chính thức chuyển thành công ty cổ phần) về việc tiếp tục giữ hộ tài sản nhà nước. Tổ chức quản lý, bảo quản, không để xảy ra mất mát, thiếu hụt tài sản trong quá trình giữ hộ tài sản.

3. Phối hợp với Công ty Mua bán nợ trong việc xử lý nợ và tài sản loại trừ đã bàn giao.

4. Thực hiện nộp tiền thu từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản loại trừ trước khi bàn giao cho Công ty Mua bán nợ. Trường hợp còn tồn đọng số phải nộp về Công ty Mua bán nợ theo quy định tại Thông tư này, doanh nghiệp thực hiện nộp về Công ty Mua bán nợ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày ký Biên bản bàn giao.

Điều 13. Trách nhiệm của Công ty Mua bán nợ

1. Thực hiện tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản loại trừ theo quy định tại Thông tư này. Phối hợp doanh nghiệp xây dựng kế hoạch tiếp nhận, xử lý tài sản tiếp nhận thuộc nhóm cần phá dỡ, hủy bỏ.

2. Đơn đốc doanh nghiệp thực hiện nộp tiền thu từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản loại trừ trước khi bàn giao cho Công ty Mua bán nợ. Thực hiện thông báo nợ lãi chậm nộp (nếu có), đối chiếu, đơn đốc thu hồi lãi chậm nộp của doanh nghiệp.

3. Thực hiện nộp tiền thu từ xử lý, thu hồi nợ và tài sản loại trừ về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư này.

4. Thực hiện theo dõi, hạch toán nợ và tài sản loại trừ đã tiếp nhận theo quy định tại Quy chế tài chính của Công ty.

5. Thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính về tình hình thu nộp tiền thu từ xử lý nợ và tài sản loại trừ về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp.

Điều 14. Trách nhiệm của khách nợ

1. Phối hợp với cơ quan đại diện chủ sở hữu, Công ty Mua bán nợ và doanh nghiệp thực hiện các thủ tục bàn giao các khoản nợ.

2. Thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Mua bán nợ kể từ ngày ký Biên bản bàn giao.

3. Phối hợp với Công ty Mua bán nợ thực hiện các hình thức xử lý nợ phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các doanh nghiệp đã có quyết định công bố giá trị doanh nghiệp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện bàn giao nợ và tài sản loại trừ thì trong thời gian 15 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp thông báo bằng văn bản đề nghị Công ty Mua bán nợ (đồng gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu) phối hợp, tiến hành các thủ tục tiếp nhận theo quy định tại Thông tư này.

2. Đối với tài sản mất mát, thiếu hụt theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này phát sinh trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng Công ty Mua bán nợ chưa nhận được tiền bồi thường tính đến ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện xử lý, bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

3. Đối với tiền thu được từ thu hồi nợ và xử lý tài sản theo Quyết định của Tòa án, cơ quan thi hành án trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng doanh nghiệp chưa nộp về Công ty Mua bán nợ thì doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2019 và thay thế Thông tư số 57/2015/TT-BTC ngày 24/4/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi sắp xếp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận: ✓

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí Thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TW các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Tập đoàn kinh tế;
- Các Tổng công ty nhà nước;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục TCDN (200.b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Huỳnh Quang Hải

Phụ lục

Mẫu Biên bản bàn giao trên sổ sách nợ và tài sản loại trừ
(Kèm theo Thông tư số 55/2019/TT-BTC ngày 21/8/2019 của Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN BÀN GIAO TRÊN SỔ SÁCH CÁC KHOẢN NỢ
VÀ TÀI SẢN LOẠI TRỪ, TÀI SẢN THỪA SO VỚI GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP
TỔNG CÔNG TY/CÔNG TY**

- Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư số 55/2019/TT-BTC ngày 21/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 135/2015/TT-BTC ngày 31/8/2015 của Bộ Tài chính Ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số ngày ... của Bộ/UBND (cơ quan đại diện chủ sở hữu) công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Tổng công ty/Công ty...;
- Căn cứ Công văn số ... ngày ... của Bộ/UBND (cơ quan đại diện chủ sở hữu) uỷ quyền thực hiện bàn giao tài sản và công nợ loại trừ khi cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước;
- Căn cứ báo cáo tổng hợp và các bảng thống kê chi tiết, đánh giá, phân loại tài sản loại trừ, tài sản thừa so với giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty/Công ty

Hôm nay, ngày.... tháng.....năm.....chúng tôi gồm :

BÊN GIAO TÀI SẢN :

1. Đại diện chủ sở hữu tài sản : Bộ/UBND (cơ quan đại diện chủ sở hữu)

Địa chỉ :

Điện thoại :

Do Ông/Bà : Chức vụ :làm đại diện

2. Đại diện người giữ hộ tài sản : Tổng công ty/Công ty ...

Địa chỉ :

Điện thoại :

Tài khoản số:

Mở tại:

Do Ông/Bà : Chức vụ : làm đại diện

BÊN NHẬN TÀI SẢN: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam

Địa chỉ :

Điện thoại :

Fax :

Tài khoản số:

Mở tại:

Mã số thuế : 0101431355

Do Ông/Bà: Chức vụ :..... làm đại diện.

Hai bên thực hiện bàn giao các khoản nợ và tài sản loại trừ, tài sản thừa so với giá trị doanh nghiệp theo số liệu ghi trên sổ sách kế toán khi thực hiện cổ phần hoá của Công ty, cụ thể như sau:

A. NỘI DUNG BÀN GIAO:

1. Tổng giá trị tài sản và nợ phải thu tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp:

a - Tài sản:

- Nguyên giá

- Giá trị còn lại:

b - Nợ phải thu:

- Giá trị tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

2. Tổng giá trị tài sản và nợ phải thu đã xử lý đến thời điểm bàn giao

a - Tài sản:

- Nguyên giá

- Giá trị còn lại:

- Giá trị thực tế thu hồi:

b - Nợ phải thu:

- Giá trị thực tế thu hồi:

3. Tổng giá trị tài sản và nợ phải thu bàn giao theo sổ sách:

a - Tài sản:

- Nguyên giá

- Giá trị còn lại:

b - Nợ phải thu:

- Giá trị tại thời điểm bàn giao

(Số liệu chi tiết tại Mẫu 1, 2, 3, 4, 5 kèm theo)

B. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

I. Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (viết tắt là Công ty Mua bán nợ)

- Tổ chức thu hồi, xử lý nợ, tài sản thuộc diện bàn giao theo quy định của pháp luật.

- Trích 10% số tiền thu hồi nợ, bán tài sản để chuyển trả doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 55/2019/TT-BTC ngày 21/8/2019 của Bộ Tài chính.

- Có văn bản thông báo với cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp lý do không tiếp nhận đối với các tài sản không có hiện vật, nợ không có đầy đủ hồ sơ (nếu có).

- Các trách nhiệm khác theo quy định.

II. Tổng công ty/Công ty

- Tiếp tục giữ hộ tài sản theo yêu cầu của Công ty Mua bán nợ và thông báo công khai đến các cổ đông (trong trường hợp đã chính thức chuyển thành công ty cổ phần) về việc tiếp tục giữ hộ tài sản nhà nước.

- Tổ chức quản lý, bảo quản, không để xảy ra mất mát, thiếu hụt tài sản trong quá trình giữ hộ tài sản. Chịu trách nhiệm bồi thường đối với tài sản mất mát thiếu hụt theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 55/2019/TT-BTC ngày 21/8/2019 của Bộ Tài chính.

- Phối hợp với Công ty Mua bán nợ trong việc thu hồi, xử lý nợ và tài sản loại trừ đã bàn giao.

- Nộp tiền thu từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản loại trừ trước khi bàn giao cho Công ty Mua bán nợ. Trường hợp còn tồn đọng số phải nộp về Công ty Mua bán nợ theo quy định, doanh nghiệp thực hiện nộp về Công ty Mua bán nợ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày ký Biên bản bàn giao.

- Các trách nhiệm khác theo quy định.

III. Cơ quan đại diện chủ sở hữu

- Chỉ đạo Tổng công ty/Công ty ... thực hiện trách nhiệm đã được quy định tại mục B, điểm II nói trên.

- Phối hợp với Công ty Mua bán nợ trong quá trình xử lý nợ và tài sản loại trừ.

- Chủ trì xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ, tài sản thừa không thuộc diện bàn giao cho Công ty Mua bán nợ tiếp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 55/2019/TT-BTC ngày 21/8/2019 của Bộ Tài chính sau khi nhận được văn bản thông báo của Công ty Mua bán nợ.

- Chủ trì xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân gây hư hỏng, mất mát tài sản loại trừ hoặc thanh lý, nhượng bán tài sản trước khi bàn giao nhưng chưa được chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu và Công ty Mua bán nợ.

- Các trách nhiệm khác theo quy định.

Biên bản bàn giao được lập gồm 06 bản có giá trị pháp lý ngang nhau: bên nhận giữ 03 bản, doanh nghiệp giữ hộ giữ 02 bản, 01 bản gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu để báo cáo.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TCT/CTY...

**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ
VIỆT NAM**

**BẢNG TỔNG HỢP THỐNG KÊ, PHÂN LOẠI TÀI SẢN
LOẠI TRỪ, TÀI SẢN THỪA SO VỚI GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP ĐỂ BÀN GIAO**

Tại thời điểm ngàytháng ... năm ...
của Tổng công ty/Công ty

Đơn vị tính : đồng

| Chỉ tiêu | Giá trị tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp | | Giá trị tài sản không còn hiện vật | | Giá trị đã xử lý đến thời điểm bàn giao | | | | Giá trị bàn giao theo sổ sách | | Ghi chú |
|---|---|-----------------|------------------------------------|-----------------|---|-----------------|-------------------------|------------------------|-------------------------------|-----------------|---------|
| | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Giá trị thực tế thu hồi | Lãi chậm nộp phát sinh | Nguyên giá | Giá trị còn lại | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| A. Tài sản không cần dùng | | | | | | | | | | | |
| I. Tài sản cố định | | | | | | | | | | | |
| II. Tài sản lưu động | | | | | | | | | | | |
| 1. Vật tư hàng hoá, công cụ dụng cụ tồn kho | | | | | | | | | | | |
| 2..... | | | | | | | | | | | |
| B. Tài sản chờ thanh lý | | | | | | | | | | | |
| I. Tài sản cố định | | | | | | | | | | | |
| II. Tài sản lưu động (Vật tư hàng hoá, | | | | | | | | | | | |
| C. Tài sản thừa so với giá trị DN | | | | | | | | | | | |
| I. | | | | | | | | | | | |
| II. | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | | | | | | | |

Ghi chú: Cột 2, cột 3 ghi giá trị tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Cột 4, Cột 5 ghi giá trị tài sản bị thiếu hụt, mất mát trước thời điểm bàn giao; Cột 6 ghi giá trị nợ không còn đầy đủ hồ sơ; Cột 6, Cột 7 ghi giá trị tài sản đã xử lý bán, điều chuyển ...theo quy định từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tới thời điểm bàn giao; Cột 8 ghi giá trị thực tế thu hồi do xử lý tài sản; Cột 9 ghi giá trị lãi chậm nộp phát sinh theo quy định (nếu có); Cột 10, Cột 11 ghi giá trị sổ sách tài sản thuộc diện phải chuyển giao theo quy định; Cột 12 ghi chú.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

**BẢNG KÊ CHI TIẾT VÀ PHÂN LOẠI TÀI SẢN CÓ ĐỊNH
LOẠI TRỪ, TÀI SẢN THỪA SO VỚI GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP ĐỀ BÀN GIAO**
Tại thời điểm ngày ...tháng ... năm ...
của Tổng công ty/Công ty

Đơn vị tính : đồng

| TT | Tên và ký hiệu tài sản | Giá trị tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp | | | | | | | Tài sản không còn hiện vật | | Giá trị đã xử lý đến thời điểm bàn giao | | | | Giá trị bàn giao theo sổ sách | | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|---|----------|--------------|----------------|-------------|------------|-----------------|----------------------------|-----------------|---|-----------------|-------------------------|------------------------|-------------------------------|-----------------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số lượng | Năm sản xuất | Năm hoàn thành | Năm sử dụng | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Giá trị sổ sách đã xử lý | | Giá trị thực tế thu hồi | Lãi chậm nộp phát sinh | Nguyên giá | Giá trị còn lại | |
| | | | | | | | | | | | Nguyên giá | Giá trị còn lại | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 |
| I | Tài sản không cần dùng | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nhà cửa VKT | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Máy móc thiết bị | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Phương tiện vận tải | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Thiết bị dụng cụ quản lý | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| II | Tài sản chờ thanh lý | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nhà cửa VKT | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Máy móc thiết bị | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Phương tiện vận tải | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Thiết bị dụng cụ quản lý | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| III | Tài sản thừa so với giá trị DN | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú :

- Đối với tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc, Cột 6 ghi Năm hoàn thành, Cột 7 ghi Năm đưa vào sử dụng; Cột 8, Cột 9 ghi giá trị tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Cột 10, Cột 11 ghi giá trị tài sản không còn hiện vật tại thời điểm bàn giao; Cột 12, Cột 13 ghi giá trị tài sản đã xử lý tới thời điểm bàn giao, Cột 14 ghi giá trị thực tế thu hồi của tài sản.
- Cột 15 ghi giá trị lãi chậm nộp phát sinh theo quy định (nếu có); Cột 16, 17 ghi giá trị tài sản còn hiện vật thuộc diện bàn giao cho Công ty Mua bán nợ; Cột 18 ghi chú nơi để tài sản và các vấn đề khác.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KÊ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

**BẢNG KÊ CHI TIẾT VÀ PHÂN LOẠI VẬT TƯ, HÀNG HÓA, CÔNG CỤ DỤNG CỤ LOẠI TRỪ,
TÀI SẢN THỪA SO VỚI GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP BÀN GIAO CHO CÔNG TY MUA BÁN NỢ**
Tại thời điểm ngày ...tháng ... năm ... của Tổng công ty/Công ty

Đơn vị tính : đồng

| STT | Tên, nhãn hiệu, quy cách sản phẩm | Giá trị tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp | | | | | | | Tài sản không còn hiện vật | | Giá trị đã xử lý đến thời điểm bàn giao | | | Giá trị bàn giao theo sổ sách | | Ghi chú | |
|------------|---------------------------------------|---|---------------|--------------|------------------|----------|---------|---------|----------------------------|---------|---|---------|-------------------------|-------------------------------|----------|---------|---------|
| | | Đơn vị tính | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Năm mua nhập kho | Số lượng | Đơn giá | Giá trị | Số lượng | Giá trị | Giá trị sổ sách đã xử lý | | Giá trị thực tế thu hồi | Lãi chậm nộp phát sinh | Số lượng | | Giá trị |
| | | | | | | | | | | | Số lượng | Giá trị | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 |
| I | Tài sản không cần dùng | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyên vật liệu tồn kho | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Công cụ dụng cụ tồn kho | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Thành phẩm tồn kho | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Hàng hoá tồn kho | | | | | | | | | | | | | | | | |
| II | Tài sản chờ thanh lý | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyên vật liệu tồn kho | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Công cụ dụng cụ tồn kho | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Thành phẩm tồn kho | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Hàng hoá tồn kho | | | | | | | | | | | | | | | | |
| III | Tài sản thừa so với giá trị DN | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú :

- Cột 7,8, 9 ghi số lượng, đơn giá, giá trị tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp; Cột 10, 11 ghi số lượng, giá trị tài sản không còn hiện vật tại thời điểm bàn giao.
- Cột 12, 13 ghi số lượng, giá trị tài sản đã xử lý theo chế độ từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tới thời điểm bàn giao, cột 14 ghi giá trị thu hồi.
- Cột 15 ghi giá trị lãi chậm nộp phát sinh theo quy định (nếu có); Cột 16, cột 17 ghi giá trị tài sản thuộc diện bàn giao cho Công ty Mua bán nợ; Cột 18 ghi chú nơi để tài sản và các vấn đề khác

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

**BẢNG KÊ CHI TIẾT VÀ PHÂN LOẠI NỢ PHẢI THU
LOẠI TRỪ BÀN GIAO CHO CÔNG TY MUA BÁN NỢ**

Tại thời điểm ngày ...tháng ... năm ...
của Tổng công ty/Công ty

Đơn vị tính : đồng

| STT | Tên khách nợ | Địa chỉ khách nợ | Thời gian phát sinh | Thời gian quá hạn | Giá trị khoản nợ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp/Chính thức chuyển thành CTCP | Giá trị khoản nợ đã xử lý thu hồi đến thời điểm bàn giao | Giá trị khoản nợ không thuộc diện bàn giao do không có đầy đủ hồ sơ | Giá trị khoản nợ có đầy đủ hồ sơ bàn giao theo sổ sách | | Ghi chú |
|-----------|--|------------------|---------------------|-------------------|---|--|---|--|----------------------------|--|
| | | | | | | | | Khách nợ còn tồn tại | Khách nợ không còn tồn tại | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| I | Nợ loại trừ tại thời điểm xác định GTDN | | | | | | | | | Kèm theo bản thuyết minh, giải trình về việc phát sinh và quá trình thu hồi khoản nợ |
| 1 | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | |
| II | Nợ loại trừ tại thời điểm chính thức chuyển thành CTCP (nợ chưa đối chiếu được) | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày.... tháng....năm...
TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

DANH MỤC HỒ SƠ NỢ PHẢI THU LOẠI TRỪ BÀN GIAO CHO CÔNG TY MUA BÁN NỢ

(Theo nguyên trạng toàn bộ hồ sơ tài liệu liên quan đến các khoản nợ để bàn giao, ghi rõ bản chính hay bản sao)

| STT | Tên, nội dung trích yếu | Số | Ngày | Hồ sơ bàn giao | | Ghi chú |
|----------|------------------------------------|----|------|----------------|---------|---------|
| | | | | Bản gốc | Bản sao | |
| 1 | Khách nợ A | | | | | |
| 1.1 | Biên bản đối chiếu, xác nhận nợ | | | | | |
| 1.2 | Hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ... | | | | | |
| ... | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| ... | Các văn bản liên quan khác | | | | | |
| 2 | Khách nợ B | | | | | |
| 2.1 | Biên bản đối chiếu, xác nhận nợ | | | | | |
| 2.2 | Hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ... | | | | | |
| ... | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| ... | Các văn bản liên quan khác | | | | | |
| 3 | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

LẬP BIỂU

(ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày.... tháng....năm...
TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)